TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 602/2018/DS-ST
Ngày: 24/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Thành
2. Ông Trần Quang Mẫn

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng cán bộ Tòa án nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân Quận l, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1842/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4644/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5005/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NT; địa chỉ: X Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phát H – đại diện theo Giấy ủy quyền số 148/UQ-HCM.TH ngày 30 tháng 8 năm 2017 của ông Đặng Hoài Đ – Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy ủy quyền số 90/UQ-VCB-PC ngày 15 tháng 3 năm 2017 của ông Nghiêm Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT

Bị đơn: Ông Phan Duy K; địa chỉ: X Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt ông H do có đơn yêu cầu, vắng mặt ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 08 năm 2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP NT là ông Trần Phát H trình bày:

Ngày 10/02/2015, Ngân hàng TMCP NT – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và ông Phan Duy K có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ theo thu nhập, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng Amex số A00717615 loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông K với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện nhiều giao dịch. Tuy nhiên đến tháng 05/2015, ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/01/2016, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và cHển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông K yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn nợ là 7.784.230 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/10/2018 là 4.077.971 đồng và tiền phí bao gồm phí phạt chậm thanh toán và phí vượt hạn mức tính đến ngày 24/8/2018 là 16.790.938 đồng; tổng cộng là 28.653.139 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc còn thực nợ, kể từ ngày 25/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 10/02/2015 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP NT.

Bị đơn – ông Phan Duy K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của đương sự;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 1, căn cứ điểm Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận l.

[2] Xét: ông Phan Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 7.784.230 đồng; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định ngày ngày 10/02/2015 các đương sự có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng. Nội dung giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thông báo số dư sao kê hàng tháng; nên nguyên đơn đã huỷ thẻ tín dụng vào ngày 27/01/2016; bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn; do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét: yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/10/2018 là 4.077.791 đồng và tiền lãi phát sinh; do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/01/2016 nguyên đơn đã huỷ thẻ tín dụng, căn cứ quy định tại khoản 5.2 quy định Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do nguyên đơn phát hành, mức lãi suất do nguyên đơn công bố được áp dụng cho thẻ tín dụng cấp cho bị đơn được xác định cụ thể như sau::

- Từ ngày 10/02/2015 – 31/7/2015 là 20%/năm

- Từ ngày 01/8/2015 – 02/4/2017 là 17%/năm

- Từ ngày 03/4/2017 đến nay là 18%/năm

Việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

[5] Xét: yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền phí phạt chậm trả 14.379.234 đồng và phí vượt hạn mức 2.411.704 đồng.

+ Theo nội dung quy định tại các Khoản 5.5, 5.6 Điều 5 quy đinh về lãi và phí của các giao dịch sử dụng thẻ, biểu phí đính kém tại bản quy định Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do nguyên đơn phát hành, bảng tính phí nguyên đơn cung cấp thể hiện:

- Phí phạt chậm trả được tính 3% trên giá trị thanh toán tối thiểu theo thông báo của nguyên đơn gửi cho khách hàng bao gồm: Dư nợ gốc, lãi, phí phạt chậm trả kỳ trước không thấp hơn 50.000 đồng/tháng

- Phí vượt hạn mức được tính trên tổng dư nợ vượt hạn mức gồm: Dư nợ gốc, lãi, phí phạt chậm trả (nếu có) , phí vượt hạn mức (nếu có) kỳ trước.

+ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 ban hành quy chế phát hành thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng quy định về phí dịch thẻ: "… *Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng,* ***dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng*** *khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật...*"

Do đó các khoản phí phạt chậm trả, phí vượt hạn mức không được xem là khoản phí sử dụng dịch vụ thẻ được cung ứng mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán. Việc nguyên đơn áp dụng tính phí chậm trả, phí vượt hạn mức và lãi suất trên các khoản dư nợ gốc, lãi và tổng các loại phí chưa thanh toán từng kỳ đến thời điểm xét xử; trong khi nguyên đơn đã huỷ thẻ của khách hàng từ ngày 27/01/2016 là không phù hợp quy định của pháp luật nên cần điều chính không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán, Ngân hàng TMCP NT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP NT , ông Phan Duy K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và

khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Luật thi hành án dân sự**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phan Duy K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP NT số tiền nợ gốc: 7.784.230 đồng và lãi phát sinh đến ngày 24/10/2018: 4.077.791 đồng, tổng cộng là 11.862.021 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng ngày 10/02/2015 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Kể từ ngày 25/10/2018 ông Phan Duy K còn phải chịu khoản tiền lãi trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thoả thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng ngày 10/02/2015 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP NT.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT yêu cầu ông Phan Duy K thanh toán số tiền phí phạt chậm trả 14.379.234 đồng và phí vượt hạn mức 2.411.704 đồng tính đến ngày 24/10/2018, tổng cộng là 16.790.938 đồng .

3. Ông Phan Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 592.101 đồng. Ngân hàng TMCP NT phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 839.546 đồng. Sau khi trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 401.052 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0022125 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP NT còn phải nộp số tiền là 438.052 đồng.

4. Ngân hàng TMCP NT, ông Phan Duy K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận 1;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quang Hnh